BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 12

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 01 – 02/12/2025 ***Ngày cung cấp TT:*** 03/12/2025

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Liên Mạc	Cống Liên Mạc 1 đóng, cống Liên Mạc 2 mở 1 cửa.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập đóng.
5	9	Cống Lương Cổ	Cống mở.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Cống mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Cống mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Cống mở.
10	21	Kênh Yên Xá	Cống mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Cống đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí.

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Ninh Bình.

Scanned with CamScanner

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: *QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:*

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): ***Không có vị trí nào.***

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Cầu Thần, Đập Nhật Tựu, Cống Lương Cổ, Phù Lý – cầu Phù Vân, Kênh Duy Tiên, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà -Thường Tín, Kênh Hòa Bình.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên,**.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên,** Sông Cầu Ngà.

Không đạt mức D: **Cống Liên Mạc, Cầu Diễn, Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Sông Đăm, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu, Kênh Yên Xá.**

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Scanned with CamScanner

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
1	Cống Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời sương mù, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió TTB 15 km/h. Dòng chảy ngược ra sông Hồng. Cống Liên Mạc 1 đóng, cống Liên Mạc 2 mở 1 cửa. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.63	19	**1.07**	0.5	15.229	1.688	546	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 97%, gió TB 16 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.25	31	**0.39**	0.6	23.854	2.678	805	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
3	Đập Hà	Đánh giá chất	Trời hừng nắng, nhiệt	7.17	30	**0.46**	0.6	29.681	1.958	780	Chỉ tiêu

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
		QCVN 08:2023 - B		*6 – 8.5*		*≥ 5*					
		QCVN 08:2023 - C		*6 – 8.5*		*≥ 4*					
		QCVN 08:2023 - D		*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
	Đông	lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	độ 21°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 96%, gió TB 17 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.								quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tô	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh	Trời hừng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 82%, gió TB 18 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Hai bên sông được nạo vét, giải tỏa rác sạch sẽ. Nước màu đen.	7.28	68	0.97	0.6	16.706	2.835	702	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
		Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 60%, gió TB 15 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu xanh đen, mùi hôi thối.	7.15	30	1.16	0.6	19.114	2.430	698	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân	Trời nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 70%, gió BTB 9 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở thông. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.25	28	1.12	0.6	15.929	1.823	707	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
		Đình vào.									
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 50%, gió BTB 12 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu xanh lục.	7.72	29	5.36	0.3	3.232	3.533	521	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 72%, gió TB 10 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy. Nước màu xanh lục.	7.82	38	5.61	0.3	1.080	2.318	516	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
9	Cống Lương	Đánh giá chất lượng nước	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 60%, mật	7.62	36	6.01	0.2	0.831	2.678	408	Các chỉ tiêu quan trắc

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
	Cổ	dòng chính sông Nhuệ tại vị trí cống.	độ mây 87%, gió TB 12 km/h. Cống mở. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu xanh.								hiện trường pH, DO đạt mức B
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 87%, gió TB 12 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy. Mực nước trung bình. Nước màu xanh.	7.29	15	5.82	0.2	0.692	3.938	354	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời sương mù, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 92%, mật độ mây 100%, gió TTB 15 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước	7.47	21.2	**1.91**	0.5	6.760	2.678	561	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
			thấp. Ngoài sông Nhuệ nước chảy về hạ lưu. Nước màu đen.								
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 80%, gió TB 16 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu đen.	7.21	39	**2.02**	0.6	29.215	3.420	685	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 82%, gió TB 18 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Nước màu đen.	7.01	28.6	**0.36**	0.6	26.496	2.385	761	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La	Trời sương mù, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 92%, mật độ mây 100%, gió	7.36	20.8	**0.72**	0.6	16.084	1.845	716	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
		trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	TTB 15 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cống mở, mực nước thấp. Nước màu vàng xám, mùi hôi thối.								DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 95%, gió TB 16 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cống mở hé tiêu nước ra sông Nhuệ. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước thấp. Nước màu xám đen.	7.06	37	1.07	0.6	22.222	2.363	875	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
16	Kênh tiêu Trung	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ,	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 95%, gió	7.11	31.6	0.86	0.6	26.185	3.083	846	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
	Văn	khống chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	TB 16 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.								đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, khống chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió TB 14 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.31	26.7	0.76	0.6	24.786	3.623	702	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
18	Kênh La	Đánh giá chất	Trời nhiều mây, nhiệt	7.35	38	0.98	0.6	31.235	2.385	670	Chỉ tiêu

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
	Khê	lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	độ 20°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió TB 14 km/h. Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu đen.								quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Trời nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 70%, gió BTB 9 km/h. Dòng chảy chậm về hướng sông Đáy. Mực nước thấp. Hai bên kênh nhiều rác. Nước màu đen.	7.35	38.7	1.56	0.6	17.793	2.925	575	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 50%, gió BTB 12 km/h. Dòng chảy chậm từ	7.57	30.6	5.32	0.3	2.378	3.218	560	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
		tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	sông Nhuệ vào, mực nước thấp. Nước màu xanh lục.								
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 96%, gió TB 17 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cống mở, mực nước thấp. Nước màu xám đen.	7.48	50	1.98	0.6	18.337	7.088	1090	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà-Thường	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 60%, gió TB 15 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu xanh lục.	7.69	19.2	5.71	0.3	1.212	4.185	492	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Scanned with CamScanner

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				*6.5 – 8.5*		*≥ 6*					
QCVN 08:2023 - B				*6 – 8.5*		*≥ 5*					
QCVN 08:2023 - C				*6 – 8.5*		*≥ 4*					
QCVN 08:2023 - D				*< 6.0 hoặc > 8.5*		*≥ 2*					
	Tín	sông Nhuệ.									
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 82%, gió TB 18 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước trung bình, có hiện tượng bị phú dưỡng. Nước màu xanh lục.	7.86	18.5	5.16	0.3	1.251	3.510	428	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Scanned with CamScanner

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Ninh Bình;
- Lãnh đạo Viện;
- Lưu VT, phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 3 tháng 12 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Lương Ngọc Chung

Scanned with CamScanner